TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Bà Dương Thị Diễm Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; Ông Ngô Văn T, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2019 của nguyên đơn bà Trần Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Minh T trình bày: Bà Trần Thị H có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn T làm chủ hụi, tháng 12/2016 bị vỡ hụi bà có đến đòi số tiền hụi mà N và T còn nợ là 20.000.000 đồng nhưng N, T không trả. Ngày 18/02/2017 ông T có viết giấy tay để xác nhận có nợ bà H số tiền trên và

có hứa trả trước 10.000.000 đồng và số tiền còn lại sẽ trả vào ngày 18/02/2018 nhưng đến cuối năm 2018 vợ chồng N, T vẫn không thực hiện. Nay bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị N, ông Ngô Văn T cùng liên đới trả số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 04/9/2019 bị đơn ông Ngô Văn T trình bày: Ông có viết giấy tay xác nhận số nợ đối với bà Trần Thị H là 20.000.000 đồng, giấy nợ này là do vợ ông là bà N nói lại và yêu cầu ông viết giấy nợ cho bà H. Ông đồng ý cùng vợ là Nguyễn Thị N hoàn trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng cho bà Trần Thị H. Hiện bà N đi làm ở thành phố H, những lần ông nhận giấy báo của Tòa án ông đều có nói bà N sắp xếp công việc để về nhưng bà N không về.

Bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt trong các lần mời của Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: các đương sự vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt không có lý do vào các lần mời của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi nên thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn Nguyễn Thị N, Ngô Văn T có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh B nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; các bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn có tham gia chơi hụi do bị đơn làm chủ hụi với số tiền 20.000.000 đồng, bị đơn Ngô Văn T xác nhận có viết giấy tay xác nhận số nợ đối với bà Trần Thị H là 20.000.000 đồng do bà N vợ ông nói lại và yêu cầu ông viết giấy nợ cho bà H. Ông đồng ý cùng vợ là Nguyễn Thị N hoàn trả số tiền hụi là 20.000.000 đồng cho bà Trần Thị H. Hiện bà N đi làm ở thành phố H, những lần ông nhận giấy báo của Tòa án ông

đều có nói bà N sắp xếp công việc để về nhưng bà N không về. Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt nên không có lời trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn thừa nhận nợ và có viết giấy nhận nợ cho nguyên đơn đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi 20.000.000 đồng là đúng sự thật.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những lập luận trên có cơ sở xác định bị đơn bà N và ông T còn nợ nguyên đơn bà H số tiền hụi là 20.000.000 đồng chưa thanh toán xong. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà N và ông T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị đơn phải liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

[4]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2016; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/NĐ-CPngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn T cùng liên đới hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền hụi là 20.000.000 đồng. Thời hiệu thi hành là kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn Tcùng liên đới nộp 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Hsố tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 0005348, ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B.

[3]. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục

phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đỉnh